

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2021

Về việc: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 387/2020/TLST-HNGD ngày 17/6/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXX-ST ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1988. Có mặt tại phiên tòa.

Nơi ĐKNKTT: 510- E3, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Xã C, huyện G, thành phố Hà Nội.

Chị L có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1970.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: 5 B, quận H, thành phố Hà Nội.

Anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 05/5/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Hoài N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, Hà Nội vào ngày 07/9/2016. Trước khi kết hôn với chị L, anh N đã một lần kết hôn nhưng sau đó đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian sau đó chuyển về ở riêng tại 5B, quận H, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng quan điểm tính cách không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau và không có con chung. Từ tháng 6/2021 chị L đã thuê nhà ở riêng, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay xác định

tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị L xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nhà đất và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, bị đơn anh Phạm Hoài N xác nhận thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và mâu thuẫn như chị L đã trình bày. Anh N cho rằng quá trình chung sống anh rất yêu chiều vợ, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, việc chị L bỏ nhà đi có thể là do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà chưa có con nên chán nản. Nay chị L xin ly hôn, bản thân anh không đồng ý ly hôn nhưng cũng không muốn níu kéo, chị L tự bỏ nhà đi thì phải tự về. Trường hợp Tòa án khuyên giải mà chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản, nhà đất và công nợ chung.

Do bận công việc nên trong những lần Tòa án thông báo và triệu tập anh không thể có mặt. Anh N đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hoài N. Do vợ chồng không có con chung, không có tài sản, nhà đất và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- anh Phạm Hoài N có đơn xin vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Phạm Thị L, cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Hoài N.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị L có đơn xin ly hôn đối với anh Phạm Hoài N có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại 5B, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn anh Phạm Hoài N đã được thông báo triệu tập hợp lệ, anh N có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Phạm Hoài N:

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2016 ngày 07/9/2016 của Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Hà Nội và lời khai của các đương sự thì chị L và anh N kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, Hà Nội vào ngày 07/9/2016 nên hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp.

Xét lời khai của chị L về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của anh N, phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải mục đích nhằm phân tích nguyên nhân mâu thuẫn và hướng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh N, chị L sinh sống, xác định giữa anh N và chị L có mâu thuẫn vợ chồng, hiện chị L đã thuê nhà ở riêng, vợ chồng không còn ở cùng nhau nên khả năng khắc phục mâu thuẫn là rất khó.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị L, cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Hoài N.

[3]. Về con chung: Anh N, chị L xác nhận không có con chung nên Tòa không xét.

[4]. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Anh N, chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản, nhà đất và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn- chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh N, chị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L về việc xin ly hôn với anh Phạm Hoài N. Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Hoài N.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Hoài N không có con chung nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Hoài N không có tài sản chung, không có nhà đất và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng theo biên lai số AA/2020/0011571 ngày 15/6/2021. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Hoài N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hai Bà Trưng;*
- *Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;*
- *UBND P. Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (GCNKH số 42/2016 ngày 07/9/2016);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Kim Oanh